

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUAN HÓA
TỈNH THANH HOÁ**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2021/HS-ST
Ngày 28-01-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUAN HÓA - TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Mừng

2. Bà Phạm Thị Lan

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Tiến, Thư ký - Tòa án nhân dân huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quan Hóa tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Dụ - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 46/2020/TLST-HS ngày 17 tháng 12 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2021/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 01 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Hà Văn N - Sinh năm 1994; Tên gọi khác: Không.

Nơi sinh: Xã Phú Xuân, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Nơi ĐKKHKT và nơi ở: Bản Bá, xã Phú Xuân, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Chức vụ (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không; Trình độ học vấn: 10/12; Con ông: Hà Văn H, đã chết; Con bà: Phạm Thị T, sinh năm 1958; Vợ Hà Thị S, sinh năm 1988; Có 02 con, lớn nhất sinh năm 2003 nhỏ nhất sinh năm 2009. Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/8/2020 chuyển tạm giam ngày 04/9/2020, hiện đang Tạm giam Nhà Tạm giữ Công an huyện Quan Hóa. Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Hà Văn D - Sinh năm 1962; Tên gọi khác: Không.

Nơi sinh: Xã Phú Xuân, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Nơi ĐKKHKT và nơi ở: Bản Pan, xã Phú Xuân, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Nghề nghiệp: Trồng trọt; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Chức vụ (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không; Trình độ học vấn: 03/12; Con ông: Hà Văn P, đã chết; Con bà: Hà Thị N, đã chết; Vợ Lương Thị N, sinh năm 1960; Có 02 con, lớn nhất sinh năm 1981 nhỏ nhất sinh năm 1986.

Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/8/2020 chuyển tạm giam ngày 04/9/2020, hiện đang Tạm giam Nhà Tạm giữ Công an huyện Quan Hóa. Có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: Hà Văn T - Sinh năm 1987; Tên gọi khác: Không.

Nơi sinh: Xã Phú Lệ, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Nơi ĐKKHKT và nơi ở: Bản Sại, xã Phú Lệ, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa.
Nghề nghiệp: Lao động tự do; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;
Dân tộc: Thái; Chức vụ (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không; Trình độ học vấn: 12/12;
Con ông: Hà Mạnh T, sinh năm 1964; Con bà: Hà Thị Y, sinh năm 1965; Vợ Hà Văn Anh, sinh năm 1989; Có 01 con, sinh năm 2009.

Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/8/2020 chuyển tạm giam ngày 04/9/2020, hiện đang Tạm giam Nhà Tạm giữ Công an huyện Quan Hóa. Có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: Phạm Văn T - Sinh năm 1983; Tên gọi khác: Không.

Nơi sinh: Xã Phú Xuân, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Nơi ĐKKHKT và nơi ở: Bản Sa Lắng, xã Phú Xuân, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Nghề nghiệp: Trồng trọt; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Chức vụ (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không; Trình độ học vấn: 03/12; Con ông: Phạm Bá N, đã chết; Con bà: Cao Thị C, sinh năm 1968; Vợ Hà Thị M, sinh năm 1983; Có 01 con, sinh năm 2005.

Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/8/2020 chuyển tạm giam ngày 04/9/2020, hiện đang Tạm giam Nhà Tạm giữ Công an huyện Quan Hóa. Có mặt tại phiên tòa.

*** Người bào chữa cho bị cáo Hà Văn N và Hà Văn D:** Ông Nguyễn Ngọc K, trợ giúp viên pháp lý, Chi nhánh số 1, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

*** Người bào chữa cho bị cáo Hà Văn T và Phạm Văn T:** Ông Hà Văn K, trợ giúp viên pháp lý, Chi nhánh số 1, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Trần Lê V, sinh năm 1951 Trú tại: Thôn Hương, xã Kim Thái, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định. Vắng mặt có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Hồi 09^h45' ngày 26/8/2020 Công an huyện Quan Hóa phối hợp với Công an xã Phú Xuân làm nhiệm vụ tuần tra kiểm soát tại khu vực bản Pan, xã Phú Xuân phát hiện một nam giới đang điều khiển xe mô tô đi theo hướng dọc đường liên thôn của bản Pan có nhiều biểu hiện nghi vấn về ma túy. Tổ công tác đã tiến hành kiểm tra người nam giới, người này khai là Hà Văn D, sinh năm 1962 ở bản Pan, xã Phú Xuân, ngay lúc Công an kiểm tra thì D đã ném 01 vỏ bao thuốc lá xuống

đường nhựa. Công an yêu cầu D nhặt bao thuốc lá lên mở ra, bên trong có 02 túi nilon màu trắng, bên trong mỗi túi là chất bột màu trắng ngà (Nghỉ là hêrôin). D khai nhận đây là ma túy của D vừa mua được của Hà Văn N ở bản Bá, xã Phú Xuân, bằng tiền gộp của T và T để về cùng nhau sử dụng thì bị bắt quả tang.

Đến 11^h15' cùng ngày, Cơ quan CSĐT Công an huyện Quan Hóa đã tiến hành khám xét và ra lệnh giữ người khẩn cấp đối với Hà Văn N. Quá tình khám xét nơi ở của Hà Văn N, Tổ công tác đã phát hiện và thu giữ bên trong chiếc khẩu trang màu xanh đang treo tại cột nhà có 17 gói nilon màu trắng bên trong mỗi gói đều chứa chất bột màu trắng ngà (nghỉ là hêrôin) và 15 gói nilon màu hồng bên trong đều chứa chất bột màu hồng (nghỉ là ma túy tổng hợp).

Tiếp tục đến 13^h30' cùng ngày, Cơ quan CSĐT Công an huyện Quan Hóa đã tiến hành giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Phạm Văn T.

Tiếp tục đến 14^h00' cùng ngày, Cơ quan CSĐT Công an huyện Quan Hóa đã tiến hành giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Hà Văn T.

Quá trình điều tra, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội, đó là: Khoảng 09^h ngày 26/8/2020, Hà Văn T đi từ nhà ở bản Sại, xã Phú Lệ đến khu vực bản Pan, xã Phú Xuân để tìm ma túy sử dụng. Đến 09^h15' cùng ngày, tại bến đò sang sông Mã thuộc bản Pan, xã Phú Xuân thì Thỏa gặp Hà Văn D. Thỏa hỏi Dính “Chú đi mua ma túy với thằng N đi, nó chỉ bán cho người quen thôi, mua về anh em mình cùng chơi”. D đáp “Ừ”. Đồng thời T đưa cho D một tờ tiền polime mệnh giá 50.000^d, D cầm tiền và đi xuống bến đò sang sông Mã thì tiếp tục gặp Phạm Văn T đang đứng chờ đò. T nói với D “Chú có biết chỗ nào mua được ma túy để sử dụng không”, D đáp “Có, chú với thằng T định đi lấy về để sử dụng chung đây”. T liền lấy trong túi quần của mình đưa cho D số tiền là 150.000^d, gồm 03 tờ tiền mệnh giá 50.000^d, với mục đích để D mua ma túy về cùng nhau sử dụng. Ngay sau khi D cầm được số tiền 200.000^d (của T và T) thì Hà Văn D đi bộ xuống đò sang sông Mã và đến nhà Hà Văn N ở bên kia của bờ sông Mã thuộc bản Bá, xã Phú Xuân. Đến nơi, D gặp và hỏi N “Bán cho chú 200.000^d hêrôin”, Nam đồng ý nhận tiền và lấy trong chiếc khẩu trang treo ở cột nhà 02 gói ma túy gói bằng túi nilon màu trắng đưa cho D cầm. Sau khi mua xong ma túy, D đi xuống bến đò sang bên này sông Mã có T, T đang chờ sẵn. Cả ba cùng thống nhất đến một ngôi nhà hoang để cùng nhau sử dụng, nhưng đến căn nhà hoang thì có nhiều người qua lại, nên cả ba lại thống nhất tìm vị trí khác để cùng nhau sử dụng ma túy, T và T đi trước được một đoạn thì phát hiện thấy Công an từ xa nên bỏ chạy trước, còn D một mình điều khiển xe máy đi sau thì lực lượng Công an phát hiện kiểm tra thu giữ toàn bộ ma túy và 01 xe máy.

Tại bản kết luận giám định số 2344/PC09 ngày 01/9/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa, kết luận:

- Chất bột màu trắng của phong bì mặt trước nghỉ “Quả tang” niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng (trọng lượng) là 0,182g (Không phải một trăm tám hai gam) loại Hêrôin (thu giữ trong quá trình bắt quả tang Hà Văn D);

- Chất bột màu trắng của phong bì mặt trước ghi “Khám xét” niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng (trọng lượng) là 0,609g (Không phải sáu trăm linh chín gam) loại Hêrôin (thu giữ trong quá trình bắt khẩn cấp Hà Văn N);

- Chất rắn màu hồng của phong bì mặt trước ghi “Khám xét” niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng (trọng lượng) là 1,106g (Một phẩy một trăm linh sáu gam) loại Methamphetamine (thu giữ trong quá trình bắt khẩn cấp Hà Văn N).

Quá trình điều tra, của Hà Văn N khai nhận nguồn gốc của số ma túy thu giữ và số ma túy bán cho Hà Văn D, đó là:

Ngày 12/7/2020 Hà Văn N đi bộ từ nhà ra đường và xin đi nhờ xe ô tô tải của người không biết tên lên bản Pạo, xã Trung Sơn, huyện Quan Hóa để tìm mua ma túy. Đến khu vực đường liên thôn thuộc bản Pạo thì N gặp và hỏi mua của một người đàn ông không biết tên tuổi, địa chỉ với số tiền là 300.000^d thì được người này bán cho 01 gói hêrôin. Sau khi mua được ma túy N lại xin đi nhờ xe để quay về nhà, sau đó N chia nhỏ ma túy thành 02 gói với mục đích để sử dụng dần và ai mua thì bán. Đến ngày 15/7/2020, Nam gặp D ở ven bờ sông Mã thuộc bản Bá, xã Phú Xuân, khi này D hỏi mua ma túy của N và được N đồng ý, sau đó N bán cho D 01 gói nhỏ hêrôin với giá là 50.000^d, bán xong ma túy thì N đi về nhà, còn D đi tìm chỗ sử dụng ma túy.

Đến ngày 25/8/2020, Hà Văn N tiếp tục đi nhờ xe của một người không biết tên, tuổi, địa chỉ lên khu vực bản Pạo, xã Trung Sơn tìm mua ma túy. Tại đây, N đã gặp 01 người đàn ông không biết tên tuổi, địa chỉ đang đi bộ ven đường, N hỏi người này “Có ma túy bán không”, người này trả lời “Có”. N đưa cho người này số tiền là 1.300.000^d và được nhận lại 01 gói nilon bên trong chứa hêrôin và các viên ma túy tổng hợp. Sau đó, N đem về nhà chia nhỏ số ma túy này thành nhiều gói nhỏ và giấu vào khẩu trang treo trên cột nhà, mục đích để bán kiếm lời. Khoảng 09^h25’ ngày 26/8/2020 Hà Văn D tiếp tục đến nhà Nam hỏi mua ma túy và được N bán cho 02 gói hêrôin với giá 200.000^d. Số ma túy còn lại Cơ quan CSĐT Công an huyện Quan Hóa khám xét khẩn cấp chỗ ở phát hiện và thu giữ gồm 17 gói nilon bên trong chứa chất bột màu trắng ngà và 15 gói nilon bên trong chứa chất rắn màu hồng, số ma túy này là bị cáo để bán cho các con nghiện kiếm lời.

Hà Văn D khai nhận số ma túy bị thu giữ ngày 26/8/2020 là mua của Hà Văn N với số tiền 200.000^d, số tiền này do Hà Văn T và Phạm Văn T góp lại cho bị cáo đi mua ma túy về 03 người cùng nhau sử dụng. Hà Văn D còn thừa nhận, ngoài lần mua ma túy này của Hà Văn N thì ngày 15/7/2020, D còn mua của Hà Văn N một lượng ma túy với số tiền là 50.000^d. Hà Văn D khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Mục đích D tàng trữ trái pháp chất ma túy là sử dụng cho bản thân, vì bị cáo bị nghiện chất ma túy.

Vật chứng vụ án gồm: Toàn bộ gói niêm phong ma túy thu giữ của các bị cáo còn lại sau giám định; 01 xe máy thu giữ khi bắt quả tang Hà Văn D, hiện đang được bảo quản tại kho tang vật của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Quan Hóa.

Tại bản Cáo trạng số 02/CT-VKS-QH ngày 15/12/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quan Hóa truy tố các bị cáo:

- Hà Văn N về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự.

- Hà Văn D, Hà Văn T và Phạm Văn T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quan Hóa tranh luận và luận tội các bị cáo, tại phiên tòa, vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các Bị cáo theo toàn bộ nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên Bị cáo Hà Văn N phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; Tuyên bị cáo Hà Văn D, Hà Văn T và Phạm Văn T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Đề nghị áp dụng:

- Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự đối với Hà Văn N.

- Điều 17, Điều 38; điểm s khoản 1, Điều 51; Điều 58; điểm c khoản 1 điều 249 của Bộ luật Hình sự đối với Hà Văn D, Hà Văn T, Phạm Văn T; Bị cáo Hà Văn D được áp dụng thêm điểm x khoản 1 Điều 51 BLHS; bị cáo Phạm Văn T áp dụng thêm khoản 2 điều 51 BLHS.

Đề nghị về hình phạt:

- Đối với Hà Văn N từ **07** đến **07** năm **06** tháng tù; Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo tính từ ngày tạm giữ, tạm giam.

- Đối với Hà Văn D từ **12** đến **16** tháng tù; Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo tính từ ngày tạm giữ, tạm giam.

- Đối với Hà Văn T từ **14** đến **18** tháng tù; Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo tính từ ngày tạm giam.

- Đối với Phạm Văn T từ **18** đến **24** tháng tù; Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo tính từ ngày tạm giữ, tạm giam.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo;

Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy toàn bộ số ma túy thu giữ của các bị cáo còn lại sau giám định, đây là vật chứng vụ án, là chất Nhà nước cấm lưu hành; Trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp Trần Lê V 01 chiếc xe máy.

Áp dụng khoản 2 điều 135, khoản 2 điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Hà Văn N, Hà Văn D, Hà Văn T và Phạm Văn T.

Các Bị cáo xác nhận trong quá trình điều tra, truy tố, các bị cáo không bị Cơ quan tiến hành tố tụng sử dụng biện pháp ép cung, bức cung hay nhục hình và khai nhận biết rõ hành vi mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy để sử dụng và bán kiếm lời là vi phạm pháp luật, bị Nhà nước nghiêm cấm nhưng do bản thân các nghiện chất ma túy, không kìm chế được hành vi, nên mới mua bán, sử dụng ma túy sử, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản Cáo trạng đã nêu là đúng, các bị cáo không khai báo thêm tình tiết mới.

Người bào chữa cho các bị cáo đồng tình với quan điểm truy tố của VKS về tội danh, điều luật áp dụng cũng như mức hình phạt đã đề nghị. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải; Các Bị cáo lại là người dân tộc thiểu số, từ nhỏ đã sống ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, bản thân bị cáo nhận thức về pháp luật còn hạn chế, gia đình các bị cáo đều thuộc diện khó khăn, bản thân các bị cáo cũng là nạn nhân của tệ nạn xã hội. Nên đề nghị HĐXX cho các bị cáo một mức án thấp nhất có thể, để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật, tạo điều cho các bị cáo yên tâm cải tạo, sớm được trở về với gia đình, xã hội, trở thành công dân có ích và vẫn có tính phòng ngừa; Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Trần Lê V vắng mặt, đã có đơn xin xét xử vắng mặt và có nguyện vọng muốn xin lại chiếc xe máy.

Tại phiên tòa các bị cáo nhận tội, không có ý kiến tranh luận với đại diện VKS, đồng tình với lời bào chữa.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các Bị cáo rất ân hận về việc làm của mình, vì là người nghiện chất ma túy nên không làm chủ được bản thân, mong Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo một mức án thấp nhất có thể, để các bị cáo sớm được về với gia đình, xã hội và sẽ trở thành người công dân tốt.

Căn cứ vào các tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời nói sau cùng của bị cáo, đề nghị của người bào chữa và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Quá trình điều tra vụ án, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, người bào chữa cho các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó,

các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã có đơn xin xét xử vắng mặt. HĐXX căn cứ vào điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, quyết định xét xử vụ án.

[2] Về tội danh: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án; phù hợp với kết quả giám định chất ma túy; Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố, lời luận tội của Kiểm sát viên và kết quả tranh luận tại phiên tòa, thể hiện:

Ngày 26/8/2020 bị cáo Hà Văn N đã bán ma túy cho Hà Văn D 02 gói ma túy tại nhà, với số tiền là 200.000^d, số ma túy này là của bị cáo mua ngày 25/8/2020 tại xã Trung Sơn với mục đích đem về bán kiếm lời, số ma túy bị thu giữ tại nhà bị cáo là bị cáo dùng để bán kiếm lời. Ngoài ra, ngày 15/7/2020 bị cáo Hà Văn N còn bán cho Hà Văn D 01 gói ma túy với số tiền 50.000^d tại bờ sông Mã. Lời khai của Hà Văn N phù hợp với lời khai của Hà Văn D, phù hợp về thời gian, không gian, địa điểm, số lần, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, khám xét, vật chứng là ma túy đã thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập trong hồ sơ vụ án, đã được tranh tụng tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để khẳng định bị cáo Hà Văn N phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b khoản 2 điều 251 Bộ luật hình sự, đúng như tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố, quan điểm luận tội của Kiểm sát viên và lời khai nhận tội của bị cáo.

Ngày 26/8/2020, Hà Văn T có tiền nhưng không mua được ma túy, nên khi gặp Hà Văn D, T đã đưa cho D 50.000^d nhờ đi mua ma túy về cùng nhau sử dụng, đi được một đoạn thì D lại gặp Phạm Văn T, T1 không biết nơi mua ma túy nên đưa cho D 150.000^d để đi mua ma túy về cùng nhau sử dụng chung, khi T đưa tiền cho D thì T cũng được biết. D đã sang bên kia sông mua của Hà Văn N 02 gói ma túy với số tiền là 200.000^d (là tiền của T và T1 đưa cho D). Khi mua được ma túy thì D quay về nơi T và T1 đang đợi, 03 người đang đi tìm nơi để sử dụng ma túy thì D bị bắt quả tang, T1 và T đã bỏ chạy. Hà Văn T và Phạm Văn T1 đã thừa nhận do không biết chỗ mua ma túy và biết N có ma túy nhưng không bán cho người lạ nên đã đưa tiền cho D đi mua ma túy, đem về để cả 03 người cùng nhau sử dụng. Số ma túy thu giữ khi bắt quả tang của Hà Văn D có tổng trọng lượng là 0,182g loại hêrôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để khẳng định bị cáo Hà Văn D, Hà Văn T và Phạm Văn T1 phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 điều 249 Bộ luật hình sự, đúng như tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố, quan điểm luận tội của Kiểm sát viên và lời khai nhận tội của các bị cáo.

[3] Về tính chất vụ án: Hành vi phạm tội của bị cáo Hà Văn N là rất nghiêm trọng, bị cáo nhận thức được việc bán ma túy nhiều lần để kiếm lời là phạm pháp nhưng vẫn cố tình thực hiện; Hành vi phạm tội của bị cáo Hà Văn D, Hà Văn T và Phạm Văn

T1 là nghiêm trọng, vì các bị cáo biết ma túy bị Nhà nước nghiêm cấm nhưng vẫn cố tình tàng trữ để sử dụng cho bản thân; Các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến chính sách quản lý độc quyền về các chất ma túy của Nhà nước, hành vi của các bị cáo đã gây ảnh hưởng rất xấu đến trật tự, an toàn xã hội. Đặc biệt hiện nay, tại địa phương, tình trạng mua bán, sử dụng trái phép chất ma túy đang diễn ra hết sức phức tạp, đã đến mức báo động trong phạm vi toàn quốc, nhưng chỉ vì mục đích tư lợi cá nhân, nhu cầu cá nhân, các bị cáo đã bất chấp thực hiện hành vi phạm tội, thể hiện ý chí xem thường pháp luật. Đây là vụ án đồng phạm, nhưng là đồng phạm giản đơn, không có sự bàn bạc, phân công, chuẩn bị, do các bị cáo đều là người nghiện chất ma túy, người bỏ công, người bỏ tiền để có ma túy sử dụng, còn bị cáo Nam vì mục đích kiếm lời từ ma túy để mua ma túy sử dụng. Vì vậy, cần xử phạt các bị cáo một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra.

[4] Nhân thân các bị cáo:

Các Bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Vì vậy, cần áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS cho cả 04 bị cáo; Đối với bị cáo Hà Văn D được tặng thưởng “Huân chương kháng chiến” hạng ba và “Huy chương chiến sĩ vẻ vang”, nên HĐXX cho bị cáo D hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ tại điểm x khoản 1 điều 51 BLHS; Đối với bị cáo Hà Văn N và Phạm Văn T1 đều có bố đẻ được tặng “Huân chương kháng chiến” Hạng ba, nên HĐXX cho bị cáo N và T1 được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 điều 51 BLHS. Để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo, để các bị cáo thấy rõ sự khoan hồng của pháp luật.

[5] Về hình phạt chính: Đối với Hà Văn N, trên cơ sở đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nên chấp nhận đề nghị về hình phạt của đại diện VKS về mức hình phạt; Đối với Hà Văn Dính, Hà Văn Thỏa, Phạm Phạm Thịnh thì các bị cáo cùng thực hiện một hành vi đồng phạm giản đơn, người có tiền, người có công, nên cần có sự phân hóa hình phạt cho từng bị cáo, dựa trên nhân thân, tính tiết tăng nặng, giảm nhẹ, để cho từng bị cáo một hình phạt phù hợp. Vì vậy, Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa về hình phạt đối với các bị cáo Dính, bị cáo Thỏa là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật, nên HĐXX chấp nhận; Đối với bị cáo Thịnh thì HĐXX thấy lên cho bị cáo một mức án thấp hơn đề nghị của đại diện VKS. Nhưng cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ để thời gian để cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội, đồng thời để các bị cáo có thời gian cai nghiện chất ma túy.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy, Hà Văn N, Hà Văn D, Hà Văn T và Phạm Văn T1 đều thuộc diện hộ cận nghèo, các bị cáo đều làm nương rẫy, không có thu nhập, lại là những người nghiện chất ma túy, nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

[7] Về biện pháp tư pháp: Đối với số tiền 250.000^d (Hai trăm năm mươi nghìn đồng chẵn) mà bị cáo Hà Văn N bán ma túy 02 lần cho Hà Văn D mà có, bị cáo đã chi tiêu cá nhân hết, nhưng số tiền này là do bị cáo phạm tội mà có. Nên Hội đồng xét xử sẽ truy thu của bị cáo Hà Văn N 250.000^d (Hai trăm năm mươi nghìn đồng chẵn) để sung vào ngân sách Nhà nước.

[8] Về xử lý vật chứng:

Đối với số ma túy thu giữ của các bị cáo Hà Văn D và Hà Văn N còn lại sau giám định, đây là vật chứng của vụ án, là chất Nhà nước cấm lưu hành, tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 biển kiểm soát xe máy 36Z5-0283, Cơ quan CSĐT Công an huyện Quan Hóa đã xử lý bằng hình thức giao lại cho Đội Cảnh sát giao thông Công an huyện Quan Hóa xử lý. Nên HĐXX không xét.

Đối với 01 xe máy nhãn hiệu Dream màu nâu, có số khung: C100M-8015393, số máy: C100ME-8015393, xe không gương chiếu hậu, không có đèn hậu, xe không có giấy tờ, đây không phải là vật chứng, phương tiện phạm tội, nên trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là ông Trần Lê V.

[9] Về án phí: Các bị cáo đều thuộc diện hộ cận nghèo, tại phiên tòa đã có đơn xin miễn án phí, là người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - đặc biệt khó khăn, nên HĐXX miễn án phí HSST cho cả 04 bị cáo.

[10] Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Bị cáo, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án; Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định.

[11] Các nhận định khác:

Đối với người đàn ông đã bán ma túy cho bị cáo Hà Văn N, nhưng bị cáo N không biết tên, tuổi, địa chỉ, của người này, nên không thể xác minh làm rõ để xử lý.

Đối với số ma túy khi khám xét thu giữ tại của Hà Văn N là 0,609 gam Hêrôin và 1,106 gam Methamphetamine, số ma túy này N cất giấu nhằm mục đích bán kiếm lời, nên không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Hà Văn N về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự đối với Hà Văn N;

Điều 17, Điều 38; điểm s, điểm x, khoản 1 Điều 51; Điều 58; điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự đối với Hà Văn D;

Điều 17, Điều 38; điểm s, khoản 1 Điều 51; Điều 58; điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự đối với Hà Văn T;

Điều 17, Điều 38; điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự đối với Phạm Văn T1.

Tuyên bố:

Bị cáo **Hà Văn N** phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Bị cáo **Hà Văn D, Hà Văn T, Phạm Văn T1** phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Hình phạt:

Xử phạt bị cáo **Hà Văn N 07** (Bảy) năm **06** (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (26/8/2020).

Xử phạt bị cáo **Hà Văn D 16** (Mười sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (26/8/2020).

Xử phạt bị cáo **Hà Văn T 17** (Mười bảy) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (26/8/2020).

Xử phạt bị cáo **Phạm Văn T1 17** (Mười bảy) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (26/8/2020).

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Vật chứng: Áp dụng điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ luật hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong mẫu vật do Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa phát hành, được dán kín, niêm phong bởi các chữ ký, ghi rõ họ tên Nguyễn Trần Đăng, Ngân Văn Dũng, Lê Minh Tiến, Trần Thị Thúy Hằng và các hình dấu của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa. Bên trong có chứa toàn bộ bao gói mở niêm phong tại Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa và 0,168g chất bột màu trắng của phong bì mặt trước ghi “Quả tang”; 0,55g chất bột màu trắng của phong bì mặt trước ghi: “Khám xét”; 1,000g chất rắn màu hồng của phong bì mặt trước ghi: “Khám xét” là mẫu vật còn lại sau giám định vào hồi 16^h30’ ngày 03/9/2020 tại Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa.

Vật chứng trên hiện đang lưu giữ, bảo quản tại kho tang vật của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quan Hóa theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 17/12/2020 giữa Công an huyện Quan Hóa và Chi cục THADS huyện Quan Hóa.

Trả lại 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Dream màu nâu, có số khung: C100M-8015393, số máy: C100ME-8015393, xe không gương chiếu hậu, không có đèn hậu, xe không có giấy tờ, cho ông Trần Lê V, sinh năm 1951. Trú tại: Thôn Hương, xã Kim Thái, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định.

Vật chứng trên hiện đang lưu giữ, bảo quản tại kho tang vật của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quan Hóa theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 12/01/2021 giữa Công an huyện Quan Hóa và Chi cục THADS huyện Quan Hóa.

Biện pháp tư pháp: Truy thu của bị cáo Hà Văn N số tiền 250.000^d (Hai trăm năm mươi nghìn đồng) sung vào ngân sách Nhà nước.

Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của

Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Hà Văn N, Hà Văn D, Hà Văn T và Phạm Văn T1.

Kháng cáo, Kháng nghị: Căn cứ điều 331, điều 332, điều 333 và điều 337 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Án xử công khai; Có mặt các bị cáo, Người bào chữa cho các bị cáo; vắng mặt Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; Các Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định; Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7, điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án căn cứ điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV-THA, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKS nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- VKS nhân dân huyện Quan Hóa;
- Cơ quan THAHS – Công an huyện Quan Hóa;
- Cơ quan CSĐT- Công an H. Quan Hóa;
- Cơ quan Hồ sơ NV- Công an H. Quan Hóa;
- Chi cục THADS huyện Quan Hóa;
- UBND xã Phú Lệ, huyện Quan Hóa;
- UBND xã Phú Xuân, huyện Quan Hóa;
- Các Bị cáo;
- Người bào chữa cho các bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Hồ sơ Thi hành án Hình sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tiến Dũng

